



ÔN TẬP KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN LẦN 1- KHỐI 10

Câu 1: Các hạt cấu tạo nên hạt nhân của hầu hết các nguyên tử là

- A. notron, electron
B. electron, notron, proton
C. electron, proton
D. proton, notron

Câu 2: Tổng hạt trong nguyên tử nguyên tố X là 52. Số hạt trong nhân nhiều hơn số hạt ngoài vỏ là 18 hạt. Số proton, số khối của X lần lượt là:

- A. 18; 35. B. 17;35. C. 18; 34. D. Đáp án khác.

- A. electron. B. proton. C. electron và proton. D. notron

Câu 4: Đồng có hai đồng vị bền $^{63}_{29}\text{Cu}$ và $^{65}_{29}\text{Cu}$, oxi có ba đồng vị là $^{16}_8\text{O}$, $^{17}_8\text{O}$ và $^{18}_8\text{O}$. Số loại phân tử Cu_2O khác nhau được tạo thành từ các đồng vị trên là

- A. 3. B. 6. C. 9. D. 12.

- A. Số hiệu nguyên tử bằng số đơn vị điện tích hạt nhân nguyên tử.
B. Số proton trong nguyên tử bằng số neutron.
C. Số proton trong hạt nhân bằng số electron ở lớp vỏ nguyên tử.
D. Số khối của hạt nhân nguyên tử bằng tổng số hạt proton và số neutron.

- A. Nguyên tử khối của nguyên tử.
B. Chỉ biết số hiệu nguyên tử.
C. Chỉ biết số khối của nguyên tử.
D. Số hiệu nguyên tử và số khối.

- A. 2. B. 6. C. 3. D. 8.

- A. 82. B.80. C. 79. D. 78.

- A. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^2$.
B. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^4$.
C. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6$.
D. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^5$.

- A. 17,694. B. 16,004. C. 17,002. D. 15,975.

- A. số điện tích hạt nhân là 82.
B. Số proton là 124.
C. số electron là 82.
D. Số khối là 206.

- A. 80% và 20% B. 77,5% và 22,5% C. 60% và 40% D. 75% và 25%

**Hóa học 10****GV: Nguyễn Thị Ngọc Thảo****Câu 13:** Định nghĩa nào sau đây về ngót hóa học là đúng? Nguyên tố hóa học là tập hợp các ngử

- A. có cùng điện tích hạt nhân
B. có cùng nguyên tử khối
C. có cùng số n, p trong hạt nhân
D. có cùng số notron trong hạt nhân

Câu 14: Tổng các hạt cơ bản trong nguyên tử X (proton, notron và electron) là 58. Số hạt mang điện gấp 1,9 lần số hạt không mang điện. Số khối của X là

- A. 19.
B. 39.
C. 58.
D. 38.

Câu 15: Nguyên tố kali có ba đồng vị bền: $^{39}_{19}\text{K}$ chiếm 93,258%; $^{40}_{19}\text{K}$ chiếm 0,012% và $^{41}_{19}\text{K}$ chiếm 6,730% số nguyên tử. Nguyên tử khối trung bình của nguyên tố kali là

- A. 38,987.
B. 39,135.
C. 39,030.
D. 39,068.

Câu 16: Cho 4 nguyên tử: $^{25}_{12}\text{X}$, $^{24}_{12}\text{Y}$, $^{52}_{24}\text{Z}$, $^{13}_6\text{T}$, $^{24}_{11}\text{R}$. Các nguyên tử nào là đồng vị của nhau?

- A. X, T.
B. X, Y.
C. Y, Z.
D. Y, R.

Câu 17: Một nguyên tử R có tổng số hạt cơ bản là 34. Trong đó có số hạt mang điện nhiều gấp 1,833 lần số hạt không mang điện. Nguyên tố R và cấu hình e của nguyên tử R là

- A. Na và $1s^2 2s^2 2p^6 3s^1$.
B. Mg và $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2$.
C. F và $1s^2 2s^2 2p^5$.
D. Ne $1s^2 2s^2 2p^6$.

Câu 18: Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng:

- A. số notron và proton
B. số notron
C. Số proton
D. số khối.

Câu 19: Đồng có hai đồng vị bền $^{65}_{29}\text{Cu}$ và $^{63}_{29}\text{Cu}$. Nguyên tử khối trung bình của đồng là 63,54. Thành phần phần trăm số nguyên tử của $^{65}_{29}\text{Cu}$, $^{63}_{29}\text{Cu}$ lần lượt là:

- A. 73%; 27%.
B. 27%; 73%.
C. 37%; 63%.
D. 63%; 37%.

Câu 20: Tổng số hạt n,p,e trong $^{35}_{17}\text{Cl}$ là:

- A. 52
B. 35
C. 53
D. 51

Câu 21: Nguyên tử Fe có 26 electron và 30 notron. Kí hiệu của nguyên tử Fe là

- A. $^{56}_{26}\text{Fe}$.
B. $^{30}_{26}\text{Fe}$.
C. $^{26}_{56}\text{Fe}$.
D. $^{56}_{30}\text{Fe}$.

Câu 22: Các hạt cấu tạo nên nguyên tử của hầu hết các nguyên tố là

- A. proton, notron
B. notron, electron
C. electron, proton
D. electron, notron, proton

Câu 23: Có 3 nguyên tử: $^{12}_6\text{X}$, $^{14}_7\text{Y}$, $^{14}_6\text{Z}$. Những nguyên tử nào là đồng vị của một nguyên tố?

- A. X, Y
B. Y, Z
C. X, Z
D. X, Y, Z

Câu 24: Cấu hình e của nguyên tử Mg (Z=12) là

- A. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^1$.
B. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2$.
C. $1s^2 2s^2 2p^5 3s^2$.
D. $1s^2 2s^2 2p^5 3s^2 3p^1$.

Câu 25: Nguyên tử khối trung bình của nguyên tố X là 63,54. Biết X có 2 đồng vị, đồng vị $^{63}_Z\text{X}$ chiếm 73% số nguyên tử. Số khối của đồng vị còn lại là

- A. 63.
B. 64.
C. 65.
D. 66.